

Số: 11 /2016/QĐ-UBND

Long An, ngày 03 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định phối hợp kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường,
chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về
nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ
Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật đo lường;

Căn cứ Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm,
hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT- BKHCN ngày 27/8/2012 của Bộ Khoa
học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm
trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT - BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa
học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu
thông trên thị trường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ Khoa
học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 70/TTr-
SKHCN ngày 26/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định phối hợp kiểm tra về
tiêu chuẩn đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ
ngày ký.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NCKT;
- Lưu: VT, SKHCN, An.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Dũng

QUY ĐỊNH

**Phối hợp kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng
sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11.../2016/QĐ-UBND
ngày 03/5/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trách nhiệm và nội dung phối hợp của các sở, ngành tỉnh có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, lưu thông trên thị trường trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Quy định này không áp dụng cho việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh. Việc phối hợp trong thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu của các Bộ, ngành được phân công quản lý.

Điều 2. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng, nhãn sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, lưu thông trên thị trường:

a) Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất;

b) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Kiểm tra về ghi nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra;

d) Thử nghiệm mẫu để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

2. Kiểm tra về đo lường:

a) Kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn khi nhập khẩu, trong sản xuất, trên thị trường hoặc trong sử dụng;

b) Kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

3. Ngoài những nội dung kiểm tra tại khoản 1, 2 Điều này, các cơ quan phối hợp có nội dung kiểm tra khác thì phải chủ động, phối hợp với cơ quan chủ trì để tổng hợp, bổ sung đưa vào quyết định kiểm tra.

4. Mỗi năm, các cơ quan kiểm tra thực hiện không quá 01 cuộc kiểm tra định kỳ về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trừ trường hợp kiểm tra đặc thù chuyên ngành (*Kiểm tra đặc thù là biện pháp nghiệp vụ kiểm tra có sử dụng phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng thực hiện lấy mẫu, kiểm tra trước khi xuất trình quyết định kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước*) hoặc kiểm tra đột xuất.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp kiểm tra

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định cho mỗi cơ quan.

a) Thực hiện theo đúng nguyên tắc, chuyên môn, nghiệp vụ bảo mật của mỗi cơ quan;

b) Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp;

2. Xác định rõ cơ quan chủ trì (sở, ngành, UBND cấp huyện) và cơ quan phối hợp trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra, đồng thời thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ biết, phối hợp kịp thời khi có yêu cầu.

3. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Tránh chồng chéo trong hoạt động kiểm tra và không gây phiền hà cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Nguyên tắc xử lý trùng lặp:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp huyện, cấp xã được xây dựng, thực hiện trên cơ sở kế hoạch kiểm tra của cơ quan kiểm tra cấp tỉnh sau khi được xử lý trùng lặp.

b) Trường hợp có sự trùng lặp về cơ sở kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra của từ ba cơ quan cùng cấp trở lên thì cơ quan chủ trì xử lý trùng lặp có trách nhiệm chủ trì tham mưu thành lập đoàn kiểm tra liên ngành.

c) Khi có sự trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra của cơ quan kiểm tra cấp tỉnh và kế hoạch kiểm tra của cơ quan kiểm tra cấp huyện, cấp xã thì cơ quan kiểm tra cấp tỉnh chủ trì thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp tỉnh có sự tham gia phối hợp của cơ quan kiểm tra cấp huyện, cấp xã.

Trường hợp hai cơ quan cùng cấp trùng lặp nhau thì cơ quan nào có nhiều nội dung kiểm tra hơn sẽ ưu tiên chủ trì.

d) Kiểm tra theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan kiểm tra quản lý ngành, lĩnh vực đó chủ trì, tham mưu UBND tỉnh tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành.

6. Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải đảm bảo thành phần tham gia, điều kiện tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của các thành viên theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA

Điều 4. Phân công kiểm tra về đo lường

1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ giúp UBND tỉnh chủ trì, phối hợp kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh theo nội dung kiểm tra quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 19 Thông tư 28/2013/TT-BKHHCN ngày 17/12/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường (Thông tư 28/2013/TT-BKHHCN).

2. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn tại các chợ, Trung tâm thương mại, các điểm bán buôn, bán lẻ trên địa bàn theo nội dung kiểm tra quy định tại điểm a khoản 1, điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 19 Thông tư 28/2013/TT-BKHHCN.

3. UBND cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra đối với phép đo tại các chợ, trung tâm thương mại, các điểm bán buôn, bán lẻ trên địa bàn theo nội dung kiểm tra quy định tại điểm d khoản 2 Điều 19 Thông tư 28/2013/TT-BKHHCN.

Điều 5. Trách nhiệm kiểm tra về tiêu chuẩn và chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

Cơ quan kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm của Bộ quản lý, ngành lĩnh vực theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ cụ thể như sau:

1. Sở Y tế:

a) Các sản phẩm, hàng hóa liên quan về y dược cổ truyền, sức khỏe của cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm, nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên, thuốc lá điếu, hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

b) Khám, chữa bệnh, chăm sóc, điều dưỡng, phục hồi chức năng, giải phẫu thẩm mỹ và các dịch vụ liên quan đến sức khỏe.

c) Trang thiết bị, công trình y tế.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Sản phẩm là dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng sản phẩm nông lâm thủy sản.

b) Sản phẩm vật tư nông nghiệp: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón hữu cơ và phân bón khác, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hoá chất, chế phẩm sinh học, chất xử lý, cải tạo môi trường trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

c) Sản phẩm, dịch vụ trong nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, thủy sản;

3. Sở Công Thương:

a) Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón vô cơ, sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật;

b) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

c) Dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; thương mại điện tử.

4. Công an tỉnh:

Các trang thiết bị kỹ thuật, các công cụ hỗ trợ các loại sản phẩm khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của lực lượng Công an nhân dân không thuộc danh mục bí mật an ninh quốc gia.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Nồi hơi các loại, nồi đun nước nóng, bình chịu áp lực, bể (xi téc) và thùng chứa và chuyên chở khí hoá lỏng, hệ thống lạnh, đường ống dẫn hơi nước và nước nóng dẫn khí đốt bằng kim loại, cần trục, cầu trục, công trục, trục cáp, pa lăng, tời, máy vận thăng nâng hàng, chai dùng chứa và chở khí nén, hệ thống điều chế và nạp khí hoá lỏng - khí hoà tan, thang máy, thang cuốn và xe nâng.

b) Các công trình vui chơi công cộng: Sàn biểu diễn di động, trò chơi mang theo người lên cao, hệ thống cáp treo vận chuyển người.

c) Phương tiện bảo vệ cá nhân: Găng tay cách điện, ủng cách điện, bán mặt nạ lọc bụi, khẩu trang lọc bụi, dây an toàn, mũ an toàn công nghiệp, mặt nạ phòng độc, kính hàn điện.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Phương tiện, trang thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải: Xe ô tô và các loại xe có động cơ chở người, vận tải hàng hóa, máy kéo, ô tô đầu kéo, xe ô

tô rô-moóc, bán rô-moóc, xe ô tô chuyên dùng các loại; ô tô sát xi dùng để đóng mới xe tải, xe khách và các loại xe chuyên dùng khác; mô tô, xe máy hai, ba bánh các loại, xe đạp điện; cần cầu, cần trục, công trục, thiết bị xếp dỡ, vận tải chuyên dùng sử dụng trong giao thông vận tải; các loại xe máy chuyên dùng trong thi công xây dựng công trình giao thông, phương tiện giao thông đường sắt các loại; tàu biển, phương tiện thủy nội địa các loại; tàu đèn hiệu, tàu kéo và tàu đẩy, tàu cứu hộ, tàu hút nạo vét cần cầu nổi, ụ nổi sửa chữa tàu và tàu thuyền chuyên dùng khác; các loại thiết bị phao nổi, xuồng cứu sinh trong giao thông vận tải; nồi hơi, bình chịu áp lực, công ten nơ các loại dùng trong giao thông vận tải; dàn khoan, thiết bị thăm dò, khai thác, hệ thống đường ống dẫn dầu hoặc khí trên biển; báo hiệu hàng hải; báo hiệu giao thông đường bộ; báo hiệu giao thông đường sắt; báo hiệu giao thông hàng không; báo hiệu giao thông đường thủy nội địa; tàu bay, hệ thống đèn tín hiệu khu bay, hệ thống dẫn đường cho máy bay, hệ thống đèn đêm, hệ thống ILS/DME sân bay; xe nạp khí mát, xe thang hành khách, xe băng chuyền hành khách, xe nạp điện máy bay, xe kéo đẩy tàu bay, hệ thống xử lý hành lý, hệ thống báo cháy tự động dùng trong nhà ga, bến cảng, sân bay, kho bãi vận tải, xe cứu hỏa chuyên dùng ngành hàng không.

b) Kết cấu hạ tầng giao thông

c) Dịch vụ trong lĩnh vực giao thông, vận tải

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Thiết bị đầu cuối: Thiết bị điện thoại không dây; thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng; thiết bị đầu cuối xDSL.

b) Thiết bị vô tuyến điện

Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất phát từ 60 mW trở lên: Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất; thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình, truyền thanh quảng bá; thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian); thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa; thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh, thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ di động hàng hải, thiết bị vô tuyến nghiệp dư; thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ di động hàng không.

c) Thiết bị Rađa

d) Thiết bị vô tuyến dẫn đường

đ) Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn

e) Thiết bị truyền dẫn viba số

g) Thiết bị khuếch đại trong hệ thống phân phối truyền hình cáp

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- a) Sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu hướng dẫn giáo viên;
- b) Thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật;
- c) Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

- a) Ấn phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật;
- b) Công trình thể thao; trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Tài nguyên, khoáng sản;
- b) Khí tượng thủy văn;
- c) Đo đạc bản đồ;
- d) Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

11. Sở Xây dựng:

- a) Nhóm sản phẩm clanhke xi măng và xi măng
- b) Nhóm sản phẩm kính xây dựng
- c) Nhóm sản phẩm phụ gia cho xi măng và bê tông
- d) Nhóm sản phẩm chứa sợi vô cơ, sợi hữu cơ tổng hợp; hợp kim nhôm và sản phẩm trên cơ sở gỗ
- đ) Nhóm sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm, vật liệu xảm khe
- e) Nhóm sản phẩm gạch ốp lát
- g) Công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở;
- h) Vật liệu xây dựng;
- i) Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, quy hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới quốc tế quan trọng;
- k) Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- l) Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

12. Sở Khoa học và Công nghệ:

- a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; thiết

bị an toàn bức xạ hạt nhân; các nguồn phóng xạ; phương tiện, dụng cụ đo lường, các sản phẩm, hàng hoá khác không thuộc quản lý của các sở chuyên ngành.

b) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, đầu mối trong việc quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa tại địa phương; có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn chi tiết nội dung và cách ghi nhãn hàng hóa.

c) Các cơ quan được phân công kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Điều 5 có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa nói chung và ghi nhãn hàng hóa đặc thù theo quy định của ngành, lĩnh vực; kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm hàng hóa được phân công quản lý.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG PHỐI HỢP KIỂM TRA

Điều 6. Phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra

1. Kiểm tra theo định kỳ.

a) Trước ngày 01/12 hàng năm, các cơ quan kiểm tra căn cứ theo phân cấp quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch kiểm tra liên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng, địa bàn quản lý cho năm sau;

b) Kế hoạch kiểm tra sau khi được phê duyệt phải gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh và cơ quan kiểm tra ở trung ương thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trước ngày 15/12; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh tổng hợp, theo dõi, xử lý các kế hoạch trùng lặp;

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo kết quả xử lý các kế hoạch trùng lặp về UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời thông báo đến các cơ quan đã gửi kế hoạch trước ngày 31/12;

d) Căn cứ, nội dung xây dựng kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư số 26/2012/TT - BKHCN ngày 12/12/2012; Nội dung kế hoạch kiểm tra được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên, nhưng phải xác định rõ và đảm bảo đầy đủ các nội dung cơ bản sau:

- Thành phần đoàn kiểm tra;
- Đối tượng là sản phẩm hàng hóa cần kiểm tra;
- Nội dung kiểm tra;
- Thời gian kiểm tra;
- Cơ sở được kiểm tra;

- Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất

a) Việc thực hiện kế hoạch kiểm tra đột xuất áp dụng khi phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

- Tái phạm nhiều lần;
- Theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành;
- Khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa;
- Thông tin, cảnh báo của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về hàng hóa không bảo đảm chất lượng có nguy cơ đe dọa sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường;
- Kết quả khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường phát hiện hàng hóa không bảo đảm chất lượng.

b) Sau khi thực hiện kiểm tra đột xuất, cơ quan chủ trì kiểm tra phải thông báo cho Sở KH&CN để tổng hợp, điều chỉnh (nếu có), nhằm tránh bị trùng lặp.

Điều 7. Phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra liên ngành

1. Trường hợp phải tổ chức kiểm tra liên ngành thì cơ quan chủ trì kiểm tra thực hiện nội dung phối hợp theo Điều 9 của Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2. Kết thúc đợt kiểm tra, định kỳ 6 tháng, hằng năm cơ quan kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp tình hình kiểm tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực quản lý được phân công, báo cáo cơ quan chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 8. Phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh và các cơ quan kiểm tra địa phương (cấp huyện, cấp xã)

1. Cơ quan kiểm tra cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ để cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện trực tiếp việc kiểm tra. Cơ quan kiểm tra địa phương có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra, cung cấp thông tin, tạo điều kiện cần thiết và thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra cấp tỉnh.

2. Cơ quan kiểm tra cấp tỉnh khi tổ chức kiểm tra trên địa bàn địa phương phải thông báo cho cơ quan kiểm tra thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của địa phương. Cơ quan kiểm tra địa phương chủ động thực hiện việc kiểm tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định hoặc kiểm tra theo sự chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Xử lý trùng lặp trong quá trình thực hiện kiểm tra

1. Trường hợp cơ sở kiểm tra xuất trình biên bản đã kiểm tra trong năm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa có cùng nội dung kiểm tra như trong quyết định kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra không thực hiện quyết định kiểm tra.

2. Trường hợp cơ sở kiểm tra xuất trình biên bản đã kiểm tra trong năm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà trong biên bản đó có những nội dung đã kiểm tra trùng với những nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra không thực hiện kiểm tra những nội dung đã được kiểm tra trước đó.

3. Trong thời gian 03 ngày làm việc, trưởng đoàn kiểm tra báo cáo việc không thực hiện quyết định kiểm tra hoặc những nội dung không kiểm tra trong quyết định kiểm tra cho cơ quan chủ trì kiểm tra.

4. Việc xử lý trùng lặp trong quá trình thực hiện kiểm tra nêu tại khoản 1,2 điều này và không thuộc trường hợp thực hiện kiểm tra đặc thù, kiểm tra đột xuất.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan kiểm tra

Cơ quan thực hiện kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng quy định tại Điều 5 có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

2. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

3. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định của pháp luật;

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định của đoàn kiểm tra, hành vi của thành viên đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Bảo đảm khách quan, chính xác, công khai, minh bạch và không phân biệt đối xử trong hoạt động kiểm tra;

6. Giữ bí mật thông tin, tài liệu liên quan đến tổ chức, cá nhân được kiểm tra khi chưa có kết luận;

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định xử lý và việc xử lý vi phạm đã thực hiện.

8. Định kỳ báo cáo theo quy định.

Ngoài ra, các cơ quan được phân công kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Điều 5 có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa nói chung và ghi nhãn hàng hóa đặc thù theo quy định của ngành, lĩnh vực; kiểm tra,

hướng dẫn việc thực hiện của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm hàng hóa được phân công quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, sản phẩm hàng hóa.

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh triển khai thực hiện quy định này, với các nhiệm vụ cụ thể:

- Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng nhãn sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; làm đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng cho UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan trực tiếp giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và thực hiện việc kiểm tra đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

b) Tổ chức phối hợp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật chuyên ngành đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh kế hoạch kiểm tra và thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

d) Là đầu mối tổng hợp tình hình, kết quả kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

e) Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động phối hợp kiểm tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các sở, ngành tỉnh có liên quan, tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo đúng quy định.

3. UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế tham mưu, giúp UBND chủ trì, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

a) Xử lý trùng lặp trong kế hoạch kiểm tra.

b) Thực hiện kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn.

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. UBND cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định nếu có phát sinh, vướng mắc, các cấp, các ngành, tổ chức kịp thời phản ánh, kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Tấn Dũng